

Bài 103. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Đạo Hành | Sư Giác Nguyên giảng 10/08/2018

Hôm nay chúng ta học Phẩm Đạo Hành, Paṭipadāvaggo, nghĩa là con đường hành trì hay đường lối tu tập.

Ở đây Đức Thế Tôn Ngài có nhiều cách để trình bày hay giải thích về con đường tu hành. Chẳng hạn như trong đây không thấy Ngài nhắc về những khái niệm như: giới, định, tuệ, tứ niệm xứ, bát chánh đạo hay thất giác chi. Mà ở đây mình thấy Ngài dùng những từ đặc biệt không có liên quan gì đến những khái niệm xưa giờ nghe nói tu học, hành trì là thấy hay nhắc tới, nhưng ở đây thì không. Nó tương đương, tương tức, có nghĩa là cái này chính là cái kia.

Đây là bốn kiểu tu học, kiểu hành trì để dẫn đến giải thoát. Dầu tu tập bất cứ phần nào trong 37 Pháp Bồ Đề thì cũng không nằm ngoài bốn trường hợp hành trì được Ngài nói đến ở đây.

1. Hành khó, đặc chậm: là người nhiều phiền não mà ngũ quyền: tín, tấn, niệm, định, tuệ lại yếu. Nếu có đủ ba-la-mật thì vẫn chứng Thánh, nhưng lúc hành trì gặp nhiều khó khăn và phải mất nhiều thời gian mới chứng Thánh.

Hạng này tu rất là cực, bởi vì cứ bị năm triền nó quay. Cứ bị buồn ngủ, đau nhức, tê mỏi nó quay, cho nên bị phóng tâm, dẫn vật, tiếc nuối. Nghĩ: “Trời ơi, sao cái chuyện đó mình không làm, tại sao cái chuyện đó mình lại làm”, do bị trạo hối. Nói chung bị phiền não cứ quay hoài. Do năm quyền nó yếu nên lúc tu rất là khó, mà để đặc cũng mất rất nhiều thời gian.

2. Hành trì khó khăn nhưng lúc chứng Thánh lại mau chóng. Điều này cũng do ba-la-mật tìm kiếm, nên tu khó khăn nhưng nhờ năm quyền vững mạnh nên đặc lẹ. Hạng này cũng bị trục trặc phiền não tầm lum nhưng không có mất nhiều thời gian.

Trong kinh ví dụ giống như một anh nông dân đi tìm con bò bị mất:

Anh đi trong rừng rậm và gặp được bò trong chỗ rậm rạp.

Đi trong chỗ khó đi nhưng gặp được bò ngoài trời trống.

Đi ngoài chỗ thoáng đãng, rộng rãi và gặp bò trong chỗ rậm rạp, nghĩa là phải chui vô đó, nắm cái dây kéo nó ra, mà súc vật nó ngu lắm. Nó ngu như bò mà, mình kéo nó mà nó cứ cưỡng lại.

Đi ngoài chỗ thoải mái mà cũng gặp được bò ở chỗ trống trải, dễ dắt.

Trong kinh ví dụ, anh nông dân tượng trưng cho hành giả. Bốn con bò là bốn tầng Thánh trí. Con đường đi và chỗ gặp bò chính là con đường hành trì tuệ quán.

3. Hành trì thì dễ dàng, thoải mái, không gặp khó khăn. Nhưng do năm quyền non yếu nên cuối cùng cũng mắc những mất nhiều thời gian.

4. Hành trì suôn sẻ, năm quyền vững mạnh nên đắc Thánh rất nhanh.

Do tứ cơ (cakka) là bốn điều kiện nền tảng cho tâm thức và cuộc sinh tử của mỗi người, là: sống ở đâu, thường gặp ai, được nghe gì và thường làm gì, nên nền tảng tâm thức của mỗi phàm phu không giống nhau, dù khi làm ác hay tu thiện. Từ đó, kiểu vun bồi ba-la-mật của mỗi cá nhân không giống nhau. Nên tu chứng cũng mỗi người một cách, nhưng đều nằm trong bốn trường hợp vừa kể.

Cho nên dù cho ở chung một nhà với nhau, cùng cha cùng mẹ, cùng máu mủ, tộc họ, ăn chung mâm, ngủ chung chiếu. Dù sinh đôi giống như hai giọt nước đi nữa thì bốn cái này trong tiền kiếp của mỗi người cũng không giống nhau. Nên bây giờ như chim, đêm về chung một tổ, chứ sáng ngày dậy là mỗi người một hướng bay.

Do tứ cơ mỗi người không giống nhau nên khi mình làm ác cũng không giống nhau.

Ví dụ như đều sống trong bất thiện nhưng có người thì tham nhiều, có người thì sân nhiều.

Sáu căn tánh chúng sanh:

Tham nhiều: là dục tánh.

Sân nhiều: nộ tánh.

Si nhiều: độn tánh.

Tâm nhiều: đăng tánh (vitakka). Tính lăng xăng, buông cái này bắt cái kia. Tính này không phải là thiện cũng không phải là ác. Nó làm cho mình là loại người thiếu tập trung. Cái này không phải là phóng dật.

Ví dụ: ai rủ đi làm phước cũng nhào theo, ai rủ đi câu cá cũng nhào theo. Đang hành thiền có tin nhắn, ai rủ đi dăng y cũng chạy theo. Đang đi dăng y mà có ai kêu về làm công quả, chùi cầu cũng chạy về làm. Đang chùi thì ai kêu lên thiền cũng lên theo... Đại loại là cái tánh nó lăng xăng như vậy, nó không có tập trung cái gì hết.

Đức tin nhiều: mộ tánh.

Thông tuệ, minh triết: ngộ tánh.

Đó là nói tổng quát. Nói chi tiết là có người cùng lúc mạnh mẽ một vài đặc tánh như: tham nhiều mà thông minh, sân nhiều nhưng cũng nhiều đức tin. Như vậy nói chi tiết là lấy hạng này trộn lẫn vào nhau thành mấy chục trường hợp.

Vì đâu mà có mấy chục hạng này? Là vì do bốn cơ, tức bốn cái nền: sống ở đâu, gặp ai, thường làm gì, nghe gì. Thời nay còn có đọc website nào, nghe nhạc gì, xem phim gì, đọc sách gì, thường được tiếp thu cái gì. Chính vì điều đó nên anh sanh ra thì anh thuộc cái loại gì? Anh thuộc loại sân nhiều, tham nhiều, đức tin nhiều, trí tuệ nhiều...

Từ bốn dẫn đến sáu, từ sáu dẫn đến kiểu ác và thiện khác nhau. Từ đó dẫn đến khi tu chứng không giống nhau:

Có người khi tu khó thiệt là khó nhưng mà đắc rất là nhanh.

Có người tu khó thiết là khó nhưng đặc thiết là chậm, bị mất thời gian. Ngồi vô là buồn ngủ, ngồi vô là phóng tâm, nhớ tầm bậy tầm bạ. Hoặc ngồi vô là thèm ăn, bất mãn: nực quá, lạnh quá, muối quá... Ngồi không có niệm hay định, hỏi thiền sư mà thiền sư giải thích cũng không hiểu nữa. Người như vậy thì tu khó nhưng đặc nhanh, nghĩa là trong vòng một tuần lễ là đặc cái rọc.

Có người tu tám tháng, một năm, mười năm, cả đời, tới lúc già mới chịu đặc. Có người tu thì thoải mái lắm, ngồi hai, ba tiếng mà phì lạc tràn trề, nhưng phải mất ba mươi năm mới đặc.

Có người tu thì thoải mái, chỉ mất vài tiếng là đã đặc rồi.

Khó ở đây là do phiền não, nghĩa là cũng nhiệt độ đó mà nhiều người ngồi được, còn mình thì nóng quá, lạnh quá... Còn lâu hay chậm ở đây là nói về thời gian.

Từng phút trong đời ta là những chuẩn bị cho cảnh giới tái sanh, môi trường sống và kiểu tu chứng sau này: thích cộng công đức; thích cộng ác nghiệp; ghét cộng công đức; ghét cộng ác nghiệp.

Nên mới tạo ra các loại chúng sanh khác nhau. Trên bờ, dưới nước, ăn thịt sống, ăn cỏ tươi, ăn rong rêu, bò bay máy cưa, con lớn, con nhỏ, con có lông, con giáp xác.

Thích ăn ngon lại có phước thì sẽ làm người có lộc ăn. Thích ăn uống nhưng thiếu phước sẽ làm loài ăn tạp (polyvore, omnivore). Thích mặc đẹp lại thiếu phước thì làm loài sặc sỡ. Thích mặc đẹp mà có nhiều phước sẽ là người có điều kiện ăn diện sang trọng.

Chẳng hạn như bà Elizabeth

Taylor, bà có những viên kim cương to bằng cái trứng cút, bà đeo mà cái tay muốn có tật luôn. Hoặc bà Tống Khánh Linh, vợ ông Tưởng Giới Thạch, Tổng thống đầu tiên của Đài Loan dân quốc. Coi như kim cương của bà là cả rổ, có thể cho con cháu bản bi chơi cũng không hết.

Có người giày của họ là mấy ngàn đôi, có thể làm cái bảo tàng nhỏ. Nghĩa là giày thập niên 50, 60, 70, 80 vậy đó. Mỗi thập niên chơi không có nhiều, khoảng chừng 1.000 đôi vậy thôi.

Còn có những người mà dép lòn mang đến mức nó mỏng có thể đem lấy cạo râu được. Chính là tôi hồi lúc ở Việt Nam mang mà nó mỏng như cái lưỡi lam. Đôi dép tổ ong đã rẻ tiền rồi, mà nó bị đứt còn phải lấy kềm để móc vô để xài. Cái này là phải trong môi trường sống rất là đặc biệt.

Rồi như ở nhà quê, cái áo nó rách rồi nhưng không có kim chỉ, phải lấy dây kềm túm lại, bởi vì cái áo đi làm ruộng mà.

Có kẻ mà kẻ ăn không hết, người lần không ra. Có kẻ đi mua cái áo về không dám mặc lần hai, bởi vì sợ bạn bè, phóng viên, báo chí, truyền thanh, truyền hình thấy rồi mang nhục, bởi vì nó nói mình mặc lần hai. Mê lắm nhưng mà mặc lén lén vậy thôi, chứ không dám mặc ra đường bởi vì sợ người ta thấy, người ta chụp hình.

Tùy những thứ mình thích hay mình ghét mỗi giờ, mỗi giây, mỗi phút. Tùy vào những cái đó, cộng với mình có phước hay không có phước, nó mới dẫn mình tới ba cõi sáu đường. Từ đó nó mới dẫn tới kiểu hành thiện, làm ác, kiểu tu ba-la-mật không giống nhau. Cho nên nó mới dẫn đến cái chuyện tu chứng, nên mới có người tu khó mà đặc nhanh, tu khó mà đặc chậm, tu dễ mà đặc nhanh, tu dễ mà đặc chậm.

Bất tịnh

Cũng nói về bốn hạng hành giả. Ở đây khó hay dễ là do đề mục.

Có người tu tập bằng các đề mục khó nhìn, khó nghĩ, khó tìm, và mất thời gian lâu dài mới chứng Thánh. Ví dụ: đề mục tử thi, đề mục thể trước. Tử thi là phải nhìn mấy cái xác banh chành té bẹ, hoặc trương sinh... thì mới chịu đắc. Có người thì phải quán 32 thể trước, nào là tóc, lông, móng, thịt, da, gân, tim, xương, mật, đàm, mủ, máu,

mồ hôi, phần, nước tiểu trong thân mình. Đồ nhai nhả, ói mửa, phân, tiểu... hôi hám, bất tịnh gồm muốn chết thì mới chịu đặng.

Trường hợp mà phải tu đề mục khó tìm, mà đúng thật, vì tử thi ở đâu mà ra? Còn đề mục thể trước là khó nghĩ, khó nhìn.

Ở đây giác ngộ bằng cách thấy mặt trái của thế giới mà chứng Thánh thì gọi là tu khó. Ví dụ như quán thể trước, niệm đề mục chết, quán vô ngã, vô thường...

Tu dễ ở đây là tu chứng với đề mục sạch sẽ, sung sướng, như lấy hơi thở là đề mục tu samatha, đặc thiền, rồi nhìn vào các chi thiền để thấy ra tam tướng, rồi chứng Thánh trên các đề mục ấy.

Trong chú giải cho ví dụ như một người lính ở chiến trường có khi được nghỉ ngơi, có khi không được nghỉ ngơi trong chỗ đàng hoàng, mệt mỏi trước và sau khi đánh trận. Tu quán là đánh trận, còn hành giả là một người lính. Nhưng có người cái đề mục là làm cho họ thoải mái ngay từ đầu rồi. Nghe đề mục là đã thấy sung sướng: hít ra, thở vô là đặc thiền sơ, nhị, tam, tứ. Vắng mặt năm triền thì sung sướng, sướng hơn dục lạc một tỷ lần.

Tại sao tôi nói như vậy? Vì mình thích trong dục thì mình hưởng dục, mỗi lần mình hưởng thì mình thấy sung sướng. Nhưng mình không có ngờ có những hạnh phúc hơn dục lạc rất là nhiều. Bởi vì muốn hưởng dục là anh phải kiếm tìm, phải sát sanh, trộm cắp, bị chúng lừa, chảy máu, đổ lệ. Rồi khi kiếm không được là khổ; kiếm được rồi là anh phải bảo trì, giữ gìn chứ không thôi là nó mất; mà nó mất lại là khổ.

Trong khi thiền thì không có. Cái người đi kiếm để chứng thiền, nó không có khổ như người đi kiếm dục. Hành thiền thì ai có ba-la-mật nhiều thì nó đặc nhanh, còn ai yếu yếu thì đặc chậm vậy thôi.

Hành trình đi tìm thiền lạc là: sạch, sang, sướng. Còn hành trình đi kiếm dục là: bày hầy, bê bối, bụi bặm, bề bộn... Đến khi đặc thiền rồi, trên nền tảng an lạc.

Tại sao lại an lạc? Cái dục nó có cái ác như vậy nè: đi kiếm nó thì khó, mà khi hưởng nó thì mệt mỏi lắm, phải hì hục. Tức là muốn ăn ngon phải nấu nướng, mồ hôi mồ kê. Tình cảm nam nữ thì hờn ghen, hời hợt, hỗn hển, hì hục... cũng mệt lắm. Muốn có cái nhà, muốn có cái xe cũng mệt kinh hoàng lắm. Trong khi đã có rồi, đã có vợ đẹp, chồng ngon, nhà to cửa lớn... mà vẫn tiếp tục mệt. Dục lạc khi đi tìm cũng mệt, hưởng cũng mệt, giữ mệt, mất càng mệt.

Trong khi cái thiện nó không có. Lúc đi tìm nó cũng không nhọc nhằn như dục, mà lúc hưởng nó cũng không có nhọc nhằn, mệt mỏi. Hoặc lúc bị mất, hành giả vì một lý do nào đó không có trau luyện nữa, hoặc do phiền não làm cho bị hoại thiện. Mà đến khi lấy lại cũng không có khó, chỉ là nó chậm hay mau thôi. Lúc nhập thiện nó đâu có hì hà, hì hục, hỗn hển, trong khi bên kia thì phải mang vác, nấu nướng, mồ hôi, mồ kê. Thiện là tìm thanh thân, lúc đắc được cũng thanh thân, mà khi nó mất, tìm lại được cũng thanh thân. Cái an lạc của thiện là sự vắng mặt của phiền não nên nó sướng.

Quý vị tưởng tượng, ăn có cái bánh xèo thôi, chứ thiện khi mà họ thấy mình ăn họ quải lắm. Có những món ăn mà nó thúi cả làng: sầu riêng, mắm, khô... Ăn xong mồ hôi mồ kê, ăn ớt hít hà... Nói chung là tìm mệt, hưởng mệt, giữ mệt, mất càng mệt. Toàn là tâm bất thiện không, do mình hưởng bằng tâm phiền não nên nó mệt.

Sẵn đây tôi nói luôn, sáu cặp tâm sở tịnh hảo: tịnh thân, tịnh tâm, khinh, thích, nhu, thuần.

Trong tâm thiện có các tâm sở này nên được yên tĩnh, nhẹ nhàng, linh hoạt, dễ thích nghi. Tâm ác không có được những khía cạnh tâm lý này, nên khi sống ác, dẫu với cảnh như ý hay bất toại, bằng tâm tham hay tâm sân, ta đều rất mệt mỏi.

Nên người tu dễ ở đây là: đắc thiện samatha trước, rồi từ đó tu quán vipassana. Bởi vì họ tu trên nền tảng thanh tịnh, lấy cái thanh tịnh thấp làm cái bàn đạp để leo lên thanh tịnh cao hơn. Đó là kiểu tu dễ, tu chưa đắc mà đã thấy sướng, sạch, sang.

Còn mấy đề mục mà ở trên nói rồi: quán bất tịnh, quán nhàm chán thức ăn, nhàm chán thế giới, quán vô thường, niệm sự chết... Mấy cái này mệt mỏi lắm.

Ở kinh này cũng có bốn trường hợp như trên:

Một, tu bằng đề mục đẹp và đặc chậm: tắm rửa xinh đẹp, ăn diện như ý, vô trong nhà thơm phức, mát lạnh, nhưng mất thời gian lâu.

Hai, tu bằng đề mục đẹp nhưng đặc nhanh: cũng ngồi trong phòng máy lạnh, sạch sẽ, nhưng đặc rất nhanh.

Ba, tu bằng đề mục xấu và đặc chậm: người lấy đồng phân để trước.

mặt, chui vô nhà cầu, mình mấy mồ hôi, không lấy đó làm đề mục, rồi đặc, nhưng mất thời gian lâu.

4. Tu bằng đề mục xấu và đặc nhanh: cũng chui vào nhà cầu, mồ hôi mồ kê, lấy đó làm đề mục rồi đặc, nhưng với thời gian nhanh.

Xấu là mặt trái của thế giới. Đẹp ở đây là họ đặc thiền trước, rồi họ mới lấy cái thiền đó làm cái cảnh danh sắc để họ quán chiếu tam tướng.

Kham nhẫn

Cũng có bốn kiểu tu tập:

1. Tu mà thiếu nhẫn: tu kiểu lánh nặng tìm nhẹ, cũng có thể đặc đạo, nhưng đây là kiểu tu dễ có vấn đề: gặp Phật thì tu, gặp quỷ thì trừ. Chẳng hạn như nóng quá gần máy lạnh vô, lạnh quá gần máy sưởi vô, quần áo thì lấy cái loại vải thích hợp để may vừa vặn, ăn uống tính toán... Khi bị thử thách thì luôn có phản ứng.

2. Tu với khả năng nhịn giỏi: lấy công làm lời. Là cố gắng đổ mồ hôi, chịu đựng mọi gian khó rồi tìm trong ấy con đường giải thoát. Trong lúc gồng như vậy mới thấy mặt trái của đời sống rồi giác ngộ, chứng thánh.

3. Tu bằng cách nhiếp phục sáu căn như người làm việc thuần hóa thú dữ: tu kiểu đối phó, gặp gì xử nấy. Khi mà sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì hành giả như một người lính tả xung hữu đột. Mắt nhìn cảnh sắc, trí tuệ làm việc hết công suất. Tai nghe, mũi ngửi, lưỡi chạm, ý suy tư là làm rục rịch.

4. Tu tập bằng cách làm sạch chính mình, không để tà tư duy xuất hiện: lặng lẽ nơi này, ta biết riêng ta, một cội đi về, ăn rồi chỉ biết nhìn vào lòng mình, kiểm soát chánh, tà tư duy. Kiểu này Đức Phật gọi là đạo hạnh an tịnh. Kiểu tu này là khép cửa phòng the, khiêm trình chờ đợi để coi đứa nào là tà tư duy, chánh tư duy xuất hiện. Đây là kiểu tu lặng lẽ, dẹp cái chuyện sáu căn qua một bên. Không có vụ mắt làm gì, tai làm gì, mà vị ấy chỉ nhìn vào lòng mình thôi.

Tà tư duy gồm:

Dục tư duy: thích tầm lum trong sáu trần.

Sân tư duy: bất mãn đủ thứ trong sáu trần.

Hại tư duy: luôn có lòng đập phá, chống đối, bức hại người hay vật.

Chánh tư duy thì ngược lại:

Ly dục tư duy, tâm sở vô tham: không có lòng đam mê, lìa bỏ lòng đam mê trong sáu trần.

Vô sân tư duy, tâm sở vô sân: không bất mãn trong trần cảnh nào.

Bất hại tư duy, tâm sở vô hại: không nhẫn tâm, không can tâm nhìn thấy sự đổ nát, hoang tàn, sụp đổ. Không can tâm nhìn thấy sự tổn thương, bị xúc phạm của người hay vật.

Chữ dama trong Pali tương đương với tame trong tiếng Anh, Mỹ. Chữ này cùng ngữ căn với chữ damma, nghĩa là được đào tạo, được huấn luyện tới nơi tới chốn, trong chữ purisadammasārathi. Dammasārathi là người đánh xe lành nghề. Chữ purisa ở đây có nghĩa là không phải là trâu, bò, voi, ngựa.

Thông thường người đánh xe, charioteer, là dành cho người điều khiển những con thú như: tuần lộc, chó tuyết, bò, ngựa, lừa, la...

Phật là người đánh xe điều khiển cả nhân thiên. Cho nên Ngài mới được gọi là dammasārathi.

Riêng chữ damma thôi mà mình đã đánh một cái vòng lạc đề xa như vậy. Nhưng mà nói lạc đề, nhưng mà cần thiết, để cho bà con biết, ngày nào cũng đọc purisadammasārathi mà cũng chẳng hiểu chữ damma là gì, sārathi nghĩa là gì.

Trong kinh nói chữ purisa là không phải súc vật, không phải loài đọa. Cả chư thiên và loài người đều được gọi là purisa, không phải những con mà mấy người đánh xe bình thường điều khiển và huấn luyện.

Kham nhẫn

Nội dung giống như kinh trước, chỉ đổi khác một chút về định nghĩa kham nhẫn. Ở kinh trước, kham nhẫn là chịu đựng với người; ở kinh sau thì với môi trường sống gồm thời tiết, khí hậu, côn trùng. Cũng tu bằng cách thu thúc lục căn và cũng đối phó với ba tà tư duy.

Với các chi tiết

Nhắc lại các nội dung trên và sắp xếp kiểu nào tốt hơn kiểu nào.

Sẵn ở đây nói luôn một chuyện, có những người tu như con dòi mà nói như thánh: “Thôi, khó dễ gì cũng là tu hết á, mình tu mà mình sợ khó thì đâu gọi là tu.” Nhưng mà họ quên một chuyện, người ta đang nói đến cái chuyện khác chứ không phải nói đến cái khó ở kiếp này.

Khi Ngài xếp hạng, phân loại, gợi ý ta nhớ đến kiểu vun bồi ba-la-mật. Kiếp trước tu hành ngon lành nên khi tu chứng cũng đi theo con đường tốt nhất. Ở đây không nên hiểu là khó hay dễ trong hiện tại, mà là sự chuẩn bị ngay từ khi tu tập ba-la-mật.

Tức là trong nhà mình, đứa nào mẹ cũng thương hết. Sinh nhật của mẹ, đứa nào cũng đem quà về cho mẹ hết. Nhưng với tấm lòng của người mẹ thì bà nói thế này:

“Thằng Tèo nó cầm tiền ra ngoài, nó đặt như bánh kem, hoa, quà, rồi kêu người ta đem tới nhà, nó khỏe biết là bao nhiêu. Còn thằng Tý, sao má nhìn con má rầu quá đi. Cái gì mà phải ra ngoài ruộng mò cua bắt ốc để nấu món này món kia. Anh em đứa nào cũng quần là áo lụa, còn nó thì mình mấy sinh, phen không à.”

Dĩ nhiên vẫn có món quà cho mẹ, dĩ nhiên sinh nhật rất là vui, anh em thương nhau đùm bọc như thể tay chân. Mẹ con gặp mặt đoàn kết vui vẻ, không có gì hết. Không phải là mẹ chê, nhưng vì mẹ thương mẹ nói thôi. Mẹ nói: “Mai mốt nhớ nha, nhìn anh con đó, mai mốt ra làm cái gì gọn gọn là vui rồi. Chứ còn lặn lội ngoài sinh, ngoài đất thấy nó tội nghiệp.”

Ở đây cũng vậy, Phật không có chê ai hết. Nhưng vì một tấm lòng của người mẹ, của vị Chánh Đẳng Giác, nên Ngài phải nói thiệt. Trong bốn kiểu tu này, rõ ràng là Ngài không có vui vẻ khi Ngài thấy cái chuyện các đệ tử mình đi theo cái con đường nặng nhọc và gian lao. Cho nên những người tu ba mớ họ không biết, họ nói phách: “Tu là phải khó, tu là phải gian lao.” Họ hiểu sai.

Người tu không sợ khó, nhưng không ngu đến mức chỉ tìm chỗ khó để đút đầu vào. Do nhẫn và cần, tinh tấn, nên người tu không sợ khó; nhưng do trí tuệ nên người tu cũng không dại gì tìm chỗ khó để gánh chịu khổ nạn một cách không cần thiết.

Bây giờ tôi hỏi các vị: mình ngồi trong mát, mình ngồi thiền, tự nhiên không chịu, chui ra ngoài nắng chang chang cái đầu chơi như vậy. Cái đó không gọi là trí. Mặc dù người tu không sợ nắng, nóng, đói, bệnh không thuốc, lạnh không có gì đắp. Phải nói là người tu phải có tâm lý can trường như chiến sĩ, phải có khả năng đó. Nhưng có điều kiện, tránh được thì tránh, chứ mắc gì đi hành khổ chi. Mình trung đạo chứ đâu phải là khổ hạnh.

Cho nên ở đây Phật dạy: hành khó so ra thua hành dễ; đặc nhanh tốt hơn đặc chậm.

Sāriputta và Moggallāna

Hai kinh tiếp theo là nói về kiểu tu chứng của hai Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Hai vị hỏi nhau và nhờ vậy ta mới biết được kiểu tu và chứng của...

Hai ngài.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Ngài Mục Kiền Liên:

“Xưa giờ chúng ta vẫn hành khó đắc dễ, hành dễ đắc khó. Thì hiền giả thuộc trường hợp nào trong bốn trường hợp đó?”

Ngài Mục Kiền Liên cho biết: ở ba tầng thánh thấp thì ngài đã tu dễ mà đắc chậm, Sukha-paṭipadā dandhābhiññā; nhưng ở tầng La-hán quả thì ngài đã tu khó đắc nhanh, Dukkha-paṭipadā khippābhiññā.

Còn Ngài Xá Lợi Phất thì ở ba tầng thánh thấp, ngài thuộc trường hợp hành dễ đắc chậm, Sukha-paṭipadā dandhābhiññā; nhưng ở tầng La-hán quả thì ngài đã tu hành dễ đắc nhanh, Sukha-paṭipadā khippābhiññā.

Xin nhớ giùm chữ “dễ” đã nói ở trên: ít phiền não, đề mục đẹp. Chữ “khó”: do nhiều phiền não, đề mục xấu, như niệm sự chết...

Ngài Mục Kiền Liên chậm là do định quá mạnh, thiếu quân bình, nên đã bị hôn thụy, tức tình trạng buồn ngủ nghiêm trọng.

Còn Ngài Xá Lợi Phất chậm là do trí nhiều, phải phân tâm. Ngài Xá Lợi Phất đã đắc La-hán chỉ bằng cách đứng nghe Phật nói pháp cho ông cậu của ngài.

Cậu Ngài Xá Lợi Phất tên là Trường Trảo. Trảo là cái móng, ngũ trảo, Bạch Cốt Trảo của Mai Siêu Phong, đệ tử của Đông Tà Hoàng Dược Sư. Trảo là móng, Cửu Âm Bạch Cốt Trảo là một phần của Cửu Âm Chân Kinh. Tiếng Pali gọi là Nakha. Biết được Kim Dung cũng là một cái lợi. Ông này thì không có liên quan gì đến Mai Siêu

Phong hết. Ông này là trước, còn Mai Siêu Phong là đời nhà Tống, mà cũng là do bịa mà ra.

Tức là ông cậu ruột của ngài lại khoe với Phật. Ông nói trên đời này ông không tha thiết cái gì, không có gì làm cho ông vui nữa hết.

Phật hỏi một câu thôi:

“Rằng người không thích thứ gì hết, nhưng người có lấy làm tâm đắc với cái chuyện không thích gì hay không?”

Xưa nay ta không biết chuyện gì đang xảy ra trong thân tâm mình.

Khi biết đạo rồi thì ta biết cái gì nó đang xảy ra.

Nhưng mà ở mức rốt ráo nhất, ta cũng phải biết luôn cả cái tâm, biết được cái gì đang xảy ra, tức là cái tâm biết.

Ngài Xá Lợi Phất đặc là đặc chỗ này. Tức là mình thích hay mình nói là mình không thích, mình phải biết luôn cả cái mình thích của cái mình thích. Phải biết hai, ba lớp như vậy.

Tức là ông cậu nói là: “Không thích cái gì hết.”

Thì Đức Phật hỏi thêm là:

“Ông nói là ông không thích cái gì, nhưng mà ông có biết cái tâm trạng mà không thích gì đó hay không?”

Ngài Xá Lợi Phất đặc nhanh lắm. Tức là ba tầng thánh đầu là hai vị giống nhau. Riêng ở tầng La-hán thì khác nhau.

Nói về Ngài Mục Kiền Liên, khi đắc Tu-đà-hoàn thì ngài buồn ngủ thường xuyên, do định mạnh quá, mà khi thiếu quân bình nó tạo ra hôn trầm. Khi ấy Đức Phật biết đây

là đệ tử hàng đầu về thần thông. Vị này đủ phước và đủ duyên để được Đức Thế Tôn đích thân kèm cặp từng li từng tí.

Ngay trong đêm Ngài Mục Kiền Liên đang ở trong rừng, thì Đức Thế Tôn từ trong chùa xuất hiện ngay trong rừng chỗ Ngài Mục Kiền Liên đang ở, và ngài mới kèm.

Ngài thấy Ngài Mục Kiền Liên đang buồn ngủ nghiêm trọng, nặng nề, thì ngài mới chỉ: xối nước lạnh, xoa bóp tay chân, nhìn lên đêm, nhấp nháy đôi mắt, niệm đề mục ánh sáng, tâm niệm mình đang sống ở ban ngày chứ không phải ban đêm trong rừng tối. Xong rồi ngài mới hướng dẫn từng bước làm sao có được nhị thiên, rồi từ nhị lên tam, từ tam lên tứ.

Ngài hướng dẫn từng bước từng bước như vậy, đề mục: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng. Ở mỗi trường hợp như vậy, tu làm sao là của bậc hạ căn, tu kiểu nào là của bậc trung căn, của bậc thượng căn.

Như Ngài Mục Kiền Liên phải theo đề mục thượng căn, có sở trường, năng khiếu về định. Ngài kèm từng bước như vậy, nên khi mà đắc rồi thì Ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông. Và ngài đã từng nói như thế này:

“Nếu nói một cách chơn chính và chính xác: ta là vị đệ tử duy nhất được Thế Tôn hướng dẫn từng bước, từng bước một trong cái con đường tu chứng.”

Tôi nói lại một lần nữa: dễ và khó ở đây là do đề mục, do phiền não. Thứ hai, đừng có nghe Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên nói có chữ khó, chữ dễ rồi mình tưởng cái khó, cái dễ đó giống mình.

Ví dụ như Ngài Xá Lợi Phất khó do đề mục hay phiền não. Còn mình cũng vậy, khó do đề mục hay phiền não. Giả định như khó là do phiền não đi, thì phiền não của Ngài Xá Lợi Phất chút xíu à. Phiền não của ngài như kiểu nhà giàu đứt tay. Còn phiền não của mình là một đồng rác. Bởi vì ngài trí nhiều, phiền não ít. Trường hợp như

ngài mà lỡ có gọi là phiền não nhiều, thì cái nhiều của ngài là cái nhiều của người sạch sẽ.

Như anh nông dân và anh công nhân móc cống, mình kêu ngừng tay lên ăn cơm. Thì anh nói: “Mình mấy tôi dơ quá, để tôi làm sạch tôi mới ăn.”

Còn cái người nhà giàu, này giờ ông đang tĩa kiếng, mình kêu ông vô ăn, thì ông mới nói: “Để tôi đi rửa tay rồi mới vô ăn.”

Thì mình nghe hai ông đều đi rửa tay hết, mình kêu: “Ồ, hai ông này dơ giống nhau.”

Không có giống nhau. Cha kia mang giày Ý, nón Mỹ, ngậm xì gà... Còn cha nọ thì mặc xà lỏn, áo ba lỗ, đang móc cống dính tùm lum. Thì cái rửa của cha nhà giàu khác cha móc cống chứ.

Với một vài nỗ lực

Vô hành, asaṅkhāra, ở đây nghĩa là không tổn sức, không mệt mỏi.

Hữu hành, saṅkhāra, ở đây nghĩa là tổn công, mất nhiều công sức.

Một, tu đề mục xấu, nắm quyền mạnh, chứng đạo ngay đời này nhưng có tí vất vả.

Hai, như số một, là tu đề mục xấu nhưng nắm quyền yếu kém, chết rồi về Tịnh Cư mới chứng La-hán.

Ba, tu đề mục đẹp, nắm quyền mạnh. Đắc La-hán đời này một cách mau chóng, dễ dàng.

Bốn, như số ba, là tu đề mục đẹp nhưng phải về cõi Tịnh Cư mới chứng La-hán.

Chìa khóa để hiểu bài kinh này là định nghĩa: vô hành là gì, hữu hành là gì.

Vô hành, asaṅkhāra, ở đây nghĩa là không tổn sức, không mệt mỏi. Hữu hành, saṅkhāra, ở đây nghĩa là tổn công, mất nhiều công sức.

Tại sao lại có bốn hạng này? Bởi vì tùy kiểu tu ba-la-mật.

Mà ba-la-mật dựa trên nền tảng nào? Là dựa trên tứ cơ: kiếp trước anh sống nhiều ở đâu, anh thường gặp ai, anh thường nghe gì, rồi từ đó anh thường nghĩ gì.

Chính tứ cơ nó sẽ đẩy anh vô làm hạng người nào, cái nào mạnh, cái nào yếu trong sáu hạng. Từ đó nó mới dẫn đến chuyện anh tu ba-la-mật kiểu gì.

Có người thì nghiêng về giới, có người nghiêng về định, tuệ. Có người thì thích bố thí, có người thích phục vụ, có người thích nghe pháp, có người thích cúng bái cầu nguyện.

Có tu và thích hay ghét cái gì, không tu mà thích hay ghét cái gì. Chính chuyện này nó dẫn đến chuyện anh vun bồi công đức, kiểu tu.

Của anh nó mới dẫn đến chuyện mai này anh đắc đạo anh đắc kiểu gì.

Có người gặp Phật, chưa xuất gia đã đắc La Hán. Có người xuất gia rồi thì đắc La Hán. Có người chưa xuất gia mà đã đắc một mớ, hai hoặc ba tầng Thánh rồi khi xuất gia mới đắc sạch sẽ. Có người chưa xuất gia không đắc gì hết, vào xuất gia rồi mới đắc bốn tầng. Có trường hợp gặp Phật rồi nhưng không xuất gia, chỉ trong hình thức cư sĩ rồi đắc La Hán, sau đó Niết-bàn luôn. Hoặc có trường hợp gặp Phật rồi không đắc gì hết, chỉ là gieo duyên thôi... Đủ thứ hết, chứ đừng có tưởng gặp Phật rồi ai cũng đắc La Hán.

Chẳng hạn như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp. Các vị này đã gặp rất nhiều vị Phật nhưng do hạnh nguyện lớn nên các Ngài không đắc gì hết.

Gắn liền, cột chặt

Nói đến bốn hạng hành giả do Ngài A Nan thuyết. Dĩ nhiên cũng theo những gì đã nghe từ Đức Phật.

1. Tu Samatha, chỉ, trước rồi mới tu Vipassana, quán, sau.
2. Quán trước mà chỉ sau.
3. Chỉ quán song tu, Yuganaddha.
4. Thuần quán, không có Samatha.

Trong kinh, đoạn thứ tư trong Chánh tạng có chữ Dhammuddhaccaviggahita, ở hạng thứ tư, ám chỉ cho việc hành giả vượt qua được mười tiểu phiền não.

Hôm nay lần đầu mọi người được nghe: một tỷ người gọi đây là tùy phiền não, nhưng tôi dịch là tiểu phiền não. Là vì sao? Upakkilesa mà hành giả Vipassana thường gặp phải, trong chính cái tiểu phiền não ấy chỉ có điều thứ mười là phiền não thật sự. Còn chín điều kia là những thiện pháp hoặc sắc pháp.

Có nghĩa hành giả thấy đôi khi mình có hào quang, mà đôi khi có hào quang thiệt, sắc pháp. Hoặc cái hào quang đó người ngoài họ nhìn họ thấy, hoặc chỉ có một mình hành giả thấy thôi. Bởi vì do cái tâm nó yên tịnh thì tự nhiên nó nảy ra ánh sáng đó. Cái ánh sáng đó nó chỉ là sắc pháp thôi. Còn trường hợp mà nó không có, mà chỉ do mình ngộ nhận, tưởng tượng thôi, rồi mình hoan hỷ.

Khi tu đúng pháp môn Tứ Niệm Xứ, hành giả có lúc thấy niềm tin, trí tuệ, sức tinh tấn, chánh niệm của mình, hào quang, khả năng khinh thân, thấy mình nhẹ như đang lơ lửng. Người đủ duyên chứng Thánh khi thấy hiện tượng đặc biệt này vẫn bình thản giữ chánh niệm đi tới. Kẻ thiếu duyên sẽ không gặp mười thứ này, hoặc có gặp thì sinh lòng đam mê.

Tức là hành giả thấy cái niệm của mình tự nhiên ngon lành hơn bao giờ hết. Cái trí tuệ của mình tự nhiên nó sáng bừng ra, nó hiểu được những chuyện mà trước đây mình không có hiểu. Như tôi có từng biết một chuyện này:

Có bà Phật tử đó đi vào chùa nghe giảng bộ Thắng Pháp Thập Yếu Luận, nghĩa là gom gọn bảy bộ A Tỳ Đàm, chín chương. Các vị có biết là 99% người Phật tử Nam

Tông, kể cả chư Tăng, nếu không học căn bản thì nghe cái đó chỉ có ngủ, coi như ngáy bể tường. Bởi vì cái đó nó ngủ đã lắm, nó là một loại thuốc ngủ.

Thậm chí một ông vua Tích Lan ngày xưa bị mất ngủ, coi như thầy chạy, bác sĩ chê. Cuối cùng có người mách ông: coi như chư Tăng có oai lực, Phật pháp có oai lực chữa lành cho ông. Thế là chư Tăng mới đem cái tạng A Tỳ Đàm để giảng cho vua nghe. Thì mới giảng có 15 phút là ông ngáy nứt tường luôn.

Trong khi có ghi rõ là giảng cho ông nghe là Cittayamaka, tức là phần nói về tâm pháp trong bộ A Tỳ Đàm thứ sáu. Chàng nghe được có mấy phút là chàng chịu không thấu, là chàng đi mất. Mà thấy làm phiền chư Tăng quá thì ông hỏi chư Tăng là tại sao vậy? Tại sao mà lại công hiệu ghê gớm?

Các vị giải thích rất là đơn giản:

1. Nói theo kiểu bình dân không màu mè là chỉ cần ông nghe và ông đọc đều đều với chúng tôi là đã đủ ru em vào hạ.
2. Nghe nói sâu sắc như vậy, cái tâm ông dán chặt vào cái lời giải thích chi tiết đó thì ông sẽ tìm thấy một cái sự êm đềm tối thiểu, chừng ấy đủ đưa người rời cuộc chiến rồi.
3. Khi mà tâm thanh thản thì cái thân tự nhiên nó relax, nó buông thả. Và buông thả ở đây cũng là cái kiểu để đi vào cõi lạ.

Cho nên cái bà này trước đây bà đã đọc, đã học. Khi bà về bà đọc quyển Thắng Pháp Thập Yếu là coi như nàng chỉ lướt mắt ba giây là nàng đã chìm vào đại định. Ấy vậy mà khi nàng đi tu Tứ Niệm Xứ, ai ngồi hít vào thở ra, hít vào thở ra. Tự nhiên nàng nhớ lại ba cái vụ mà tâm tham có tám. Tại sao tham thì nói đại là tham, chứ nói tám là sao?

Là bởi vì dựa vào ba khía cạnh: thọ hỷ hay thọ xả, có tà kiến đi cùng hay không, tự phát hay là bị tác động. Tâm biết cảnh chỉ có một mà tại sao kể tâm 21 hoặc 89 là sao?

Ngày xưa đến giờ bà nghe mà bà không có hiểu, bà giống như vịt nghe sấm. Nhưng mà tự nhiên bà nhớ lại cái vụ đó rồi bà hiểu rất là thoải mái, rất là dễ dàng. Thì bà tưởng bà đắc rồi. Khi mà bà trình với thiền sư thì thiền sư nói chưa có đắc đâu. Bởi vì cái đó là do cái tâm của má lắng xuống, trường hợp đó gọi là tùy phiền não hay tiểu phiền não. Có nghĩa là khi cái tâm của anh nó lắng là tự nhiên nó sáng bừng ra.

Ví dụ: như cái hồ đó nó đen thui thui lùì do nước cống xả vô trong đó. Một ngày kia khi cống ngừng xả vào trong đó rồi qua vài trận mưa, nước nó sạch dần. Tự nhiên một ngày mình nhìn xuống được dưới đáy, thấy có lá mục, vỏ lon, vỏ chai. Chỉ vì nước cống đã ngừng xả vào đó cộng với nước mưa, nó làm cho sạch một phần. Thêm bữa nay không có gió, không có sóng gợn lăn tăn... Tất cả những điều đó là điều kiện tốt để ta nhìn được đáy hồ.

Xưa giờ mình sống lật đật, buông bắt, bắt buông. Bây giờ tự nhiên chánh niệm một ngày, hai ngày, một tuần, hai tuần, một tháng, hai tháng là tự nhiên nó lắng. Mà khi nó lắng thì tự nhiên cái trí tuệ nó làm việc tốt hơn, niệm nó mạnh hơn, định nó tốt hơn. Thân tâm tự nhiên có niệm, có định thì nó tự nhiên cũng nhẹ nhàng, thanh thản, là mình có cảm giác nó nhẹ thôi. Khi mà cái hồn vui thì xác nhẹ, hồn buồn thì xác nó nặng, chỉ đơn giản như vậy mà không biết, cứ tưởng là đắc vậy đó.

Thì ở đây Ngài mới xài chữ Dhammuddhaccaviggahita.

Nhắc lại gồm bốn hạng:

1. Chỉ trước, quán sau.
2. Quán trước, chỉ sau.
3. Chỉ quán song tu.
4. Thuần quán, không có Samatha.

Nghĩa là chỉ tu Tứ Niệm Xứ, không có vụ mà xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng. Tuy nhiên bên thiền chỉ thì vấn đề phiền não ở đó là năm triền. Còn bên thiền quán thì phải nói là hành giả hữu duyên gặp đó là mười cái tiểu phiền não.

Tại sao gọi là tiểu? Bởi vì nó không chính thức gọi là phiền não. Khi nào mình đam mê ở trong định mạnh, tuệ mạnh, thấy mình hay thì cái đó mới gọi là phiền não, chứ bản thân cái định.

Mạnh, tuệ mạnh, nó không phải là phiền não.

“Dhammuddhaccaviggahitanti samathavipassanādharmesu
dasavipassanupakkilesasāṅkhātena uddhaccena viggahitaṃ.”

Chữ uddhaccena ở đây là sự phóng dật trước sự ám ảnh của 10 tiểu phiền não mà người tu thiền thường gặp.

Ở đây mình thấy có chữ samatha, là dành riêng cho chỉ, là không phải nha. Samathavipassanādharmesu là 10 phiền não thường ám ảnh người tu thiền.

Nhưng đọc kỹ bên dưới:

“Ajjhataṃvevasantiṭṭhatīti vipassanāvīthim paccottharivā tasmimyeva
gocarajjhataṃvevasantiṭṭhatīti ārammaṇe santiṭṭhati.”

Ajjhattamevasantiṭṭhatīti nghĩa là sống nội quán, quay về bên trong với chính mình. Vipassanāvīthim nghĩa là thông qua con đường tuệ quán.

Nghĩa là Ngài Anan nói đến 4 hạng hành giả như trên.

Hôm nay, theo tôi được biết, chỉ có dòng thiền Pa Auk là chỉ quán song tu, hoặc có trước sau, nhưng nói chung là khích lệ cả 2: chỉ, quán. Các dòng thiền khác hầu hết là làm lơ samatha.

Riêng ở Thái Lan thì rất nhiều truyền thống tuy nhận là vipassana, nhưng trong lý thuyết lại chỉ có 1 ranh giới rất mờ nhạt giữa chỉ và quán.

Ví dụ như ở ngoài cũng để là vipassana center, nhưng trong đó là họ hướng dẫn hơi thờ, rõ ràng là thiền chỉ, nhưng mà họ nhận là vipassana. Có chỗ họ nhận là vipassana

mà trong đó họ dạy niệm Phật. Nhớ cho biết vậy thôi, để mai mốt mình không bị sốc.

Ở đây mình nghe giảng khác, đọc kinh sách, tới hồi qua Thái Lan mình nghe mình bị dội. Không phải họ dở, mà do cái tông chỉ buổi đầu là vipassana thuần túy. Nhưng do nhu cầu của bà con lớn quá nên họ quẹo qua. Lúc họ quẹo, họ quên đời bảng. Lúc thay đổi nội dung, lại quên sửa cái bảng chùa đăng trước.

Chúc các vị một ngày vui.